

Bản án số: 112/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/4/2024
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Lâm Sơn và ông Trần Thanh Sang.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 667/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị M.H, sinh năm 1975; địa chỉ: số 419, ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phan Đức N, sinh năm 1978; địa chỉ: số 419, ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phan Thị M.H trình bày: bà và ông Phan Đức N quen biết, tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 21/10/2003 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian chung sống được khoảng cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 03 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nay bà Hương yêu cầu ly hôn với ông Nghĩa.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Phan Đức T, sinh ngày 22/12/1999, Phan Đức H, sinh ngày 21/5/2005 (đã thành niên, có

khả năng lao động), không đề cập và cháu Phan Đức T, sinh ngày 22/9/2012, hiện sống cùng bà H; Sau khi ly hôn, bà H có ý kiến yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T; không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản sao, Giấy khai sinh 03 con chung; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày 18/10/2023; trích lục kết hôn số 1801;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên bà H, ông N xóa bỏ những bất đồng quan điểm, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông N; ông N được triệu tập nhưng đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với bà H. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định.

Tại bản thông tin xác nhận nơi cư trú được đại diện Công an xã A, huyện C cung cấp xác nhận thông tin ông N vẫn còn đăng ký cư trú tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà H có đơn xin vắng, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông N; về con chung, bà H có ý kiến yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T; không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con. Ông N vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Ý kiến giải quyết vụ án:* bà H và ông N chúc lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian chung sống được khoảng cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt, không thể hàn gắn. Nhận thấy tình cảm không còn, nay bà H yêu cầu ly hôn với ông N.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông N là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, mục đích hôn nhân không đạt, không thể hàn gắn. Bà H yêu cầu ly hôn, ông N không đồng ý nhưng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Phan Đức T, sinh ngày 22/12/1999, Phan Đức H, sinh ngày 21/5/2005 (đã thành niên, có khả năng lao động), không đề cập và cháu Phan Đức T, sinh ngày 22/9/2012, hiện sống cùng bà H; Sau khi ly hôn, bà H có ý kiến, yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T; không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu T sống cùng bà H phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Vì vậy, cần ổn định cuộc sống của cháu, tiếp tục giao cháu cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị M.H đối với ông Phan Đức N.

- Bà Phan Thị M.H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Đức T, sinh ngày 22/9/2012. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Phan Thị M.H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Đức N, được xác định là tranh chấp “*Ly hôn*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Phan Đức N có nơi cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: Bà H, ông N quen biết, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, không ai lừa dối hay ép buộc; có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân cho đến nay; bà H yêu cầu ly hôn, ông N vắng mặt; bà H xác định không còn chung sống với nhau khoảng 03 năm nay, không liên lạc gì với ông N. Bà H xác định không còn tình cảm với ông N và kiên quyết xin được ly hôn; Với những căn cứ trên, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Hương, ông N phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Phan Đức T, sinh ngày 22/12/1999, Phan Đức H, sinh ngày 21/5/2005 (đã thành niên, có khả năng lao

động), không đề cập và cháu Phan Đức T, sinh ngày 22/9/2012, hiện sống cùng bà H; Sau khi ly hôn, bà H có ý kiến yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T; không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con cho cha hoặc mẹ chăm sóc nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện sinh sống, phát triển cũng như nguyện vọng của con. Từ khi bà H và ông N ly thân, cháu T sống với bà Hương vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cháu T có nguyện vọng sống chung với mẹ. Để ổn định cho cuộc sống của cháu, nên để bà H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu; ông Nghĩa không phải cấp dưỡng nuôi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên không đề cập;

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Ông N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M.H. Cho bà Phan Thị M.H được ly hôn với ông Phan Đức N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 534, do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang, cấp ngày 17 tháng 10 năm 2003 cho bà Phan Thị M.H với ông Phan Đức N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Phan Thị M.H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên cháu Phan Đức T, sinh ngày 22/9/2012 đến tuổi trưởng thành. Ông Phan Đức N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phan Thị M.H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phan Đức N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phan Đức T, sinh ngày 22/9/2012.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị M.H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu

tiền số 0014112 ngày 18 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang; bà Hương đã nộp xong. Ông Phan Đức N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Bà Phan Thị M.H, ông Phan Đức N, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

4. *Về án phí:* Bà Phan Thị Mỹ Hương phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014112 ngày 18 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; bà Hương đã nộp xong. Ông Phan Đức Nghĩa không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo:* Bà Phan Thị Mỹ Hương, ông Phan Đức Nghĩa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Biên bản nghị án kết thúc vào lúc.....giờ.....phút cùng ngày; có đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe, cùng thống nhất tất cả các nội dung và ký tên vào biên bản.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA